

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THƯ VIỆN TRONG PHỤC VỤ THÔNG TIN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ThS. Nguyễn Thị Hùng, Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện
Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng

Tóm tắt: Thư viện là thể chế văn hóa có từ lâu đời và có vai trò quan trọng trong sự phát triển văn hoá nhân loại. Ngày nay, thư viện như là một bộ phận không thể thiếu trong trường đại học nói riêng và cơ sở giáo dục nói chung. Việc nghiên cứu về khái niệm, lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, định hướng phát triển thư viện là rất cần thiết, làm cơ sở cho những nghiên cứu tìm ra giải pháp giúp thư viện phát triển vững mạnh. Bài báo này nêu lên thực trạng Thư viện trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng, phân tích theo mô hình SWOT để nhận ra được điểm mạnh, cơ hội, điểm yếu và thách thức. Trên cơ sở phân tích theo mô hình SWOT tìm ra các giải pháp, lựa chọn ứng dụng và đánh giá hiệu quả trong phục vụ nhu cầu thông tin của giảng viên, sinh viên.

Từ khóa: Thư viện, nguồn tin, hạ tầng phục vụ, nhu cầu dùng tin, SWOT.

Abstract: The library is a cultural institution with a long and important role in the development of human culture. Today, the library as an integral part of the university in particular and of the educational institution in general. The study of the library's concept, history, structure, development - oriented is essential, as the basis for the research to find solutions to help develop a strong library. This paper raises the status of the DUPES' library, analyse by SWOT to identify strengths, opportunities, weaknesses and threats. On the basis of SWOT analysis to find, to choose and to apply solutions, assess the effectiveness in serving the information needs of lecturers and students.

Keyword: Library, information resources, information infrastructure, demands for information, SWOT.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng, phát triển Thư viện thành trung tâm khai thác, cung cấp tài nguyên tri thức hiện đại, đáp ứng cao yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo là nhu cầu thiết yếu đối với trường đại học. Đặc biệt với yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện đào tạo theo phương thức tín chỉ nhu cầu thông tin đặt ra ngày càng lớn.

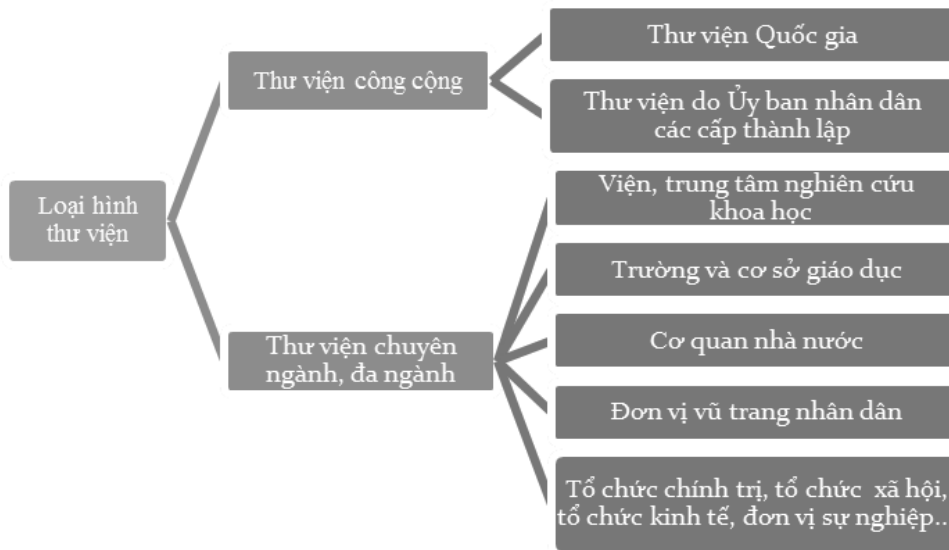
Trong bối cảnh nguồn thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin và các loại nhu cầu thông tin đều có sự biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ đặt ra yêu cầu phát triển nâng cao chất lượng. Chúng tôi mong muốn tìm ra các giải pháp để thư viện

trường phát triển mạnh, bền vững đáp ứng được tối đa nhu cầu của người đọc.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý thuyết của vấn đề

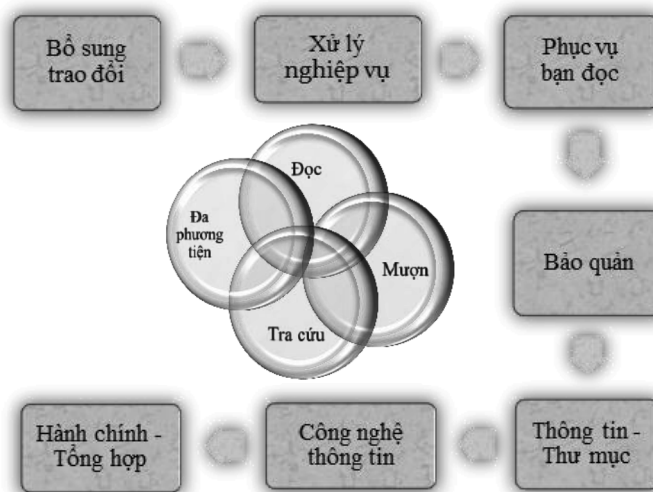
Thư viện có chức năng, nhiệm vụ giữ gìn di sản thư tịch; thu thập, tàng trữ, tổ chức việc khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội nhằm truyền bá tri thức, cung cấp thông tin phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. [3]



Sơ đồ 1. Các loại hình Thư viện ở Việt Nam

Thư viện trường đại học có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến

bộ khoa học công nghệ và quản lý của nhà trường. [5]



Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Thư viện trường đại học

Theo định hướng đến năm 2020, thư viện ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm tự động hoá, hiện đại hoá, phát triển thư viện điện tử và thư viện số. Cùng cố và tiếp tục xây dựng xã hội đọc. [4]

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin thư viện là hạ tầng thông tin, tài nguyên thông tin, nhu cầu dùng tin.

2. Thực trạng thông tin thư viện tại trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Hạ tầng thông tin đáp ứng tốt nhu cầu cơ bản, tại chỗ. Các mục được đánh giá tốt là: Đọc tại chỗ, Mượn về nhà, Máy tính tra cứu và Trang web tuy rằng chưa đạt tối đa nhu cầu người dùng tin. Các phương thức phục vụ nhu cầu thông tin nâng cao chưa tốt như: Tìm kiếm thông tin, đặc biệt là Tư vấn thông tin.

Bảng 1. Đánh giá hạ tầng thông tin (n = 200)

Phương thức phục vụ/sử dụng	Bạn đọc sử dụng	Thực trạng (Điểm 100)	Nhu cầu (Điểm 100)
Đọc tại chỗ	80	65	95
Mượn về nhà	36	40	61
Tìm kiếm thông tin	35	30	52
Sao chụp/ Scan	30	0	49
Tư vấn thông tin	37	2	53
Máy tính tra cứu	48	60	80
Trang web	63	63	81
Sản phẩm/ dịch vụ	39	0	60

Bảng 2. Đánh giá tài liệu sử dụng (n = 200)

Tài liệu sử dụng	Chọn nhiều mục (%)	Thực trạng (Điểm 100)	Nhu cầu (Điểm 100)
Chuyên ngành thể thao	100	93	100
Sách tham khảo	6	58	90
Giáo trình	9	75	50
Các môn lý thuyết	25	62	84
Luận văn - Luận án	65	65	85
Văn bản, luật	5	10	30
Kỹ năng - Kiến thức phổ thông	7	26	70
Ngoại ngữ	3	5	32

Nguồn tài nguyên thông tin được đánh giá cao nhất là tài liệu chuyên ngành thể thao, nguồn tài liệu này được đánh giá là quan trọng, có giá trị tuy nhiên còn cũ và không đa dạng. Giáo trình các môn chuyên ngành đáp ứng vượt nhu cầu, sách tham khảo, giáo trình lý thuyết, luận văn luận án đáp ứng tương đối đầy đủ. Chưa có các tài liệu thứ cấp theo chương trình học, môn học. Chất lượng tài liệu cao tuy nhiên phương thức phục vụ chưa cụ thể.

Ý thức, quan niệm của người dùng tin chưa coi trọng giá trị của sách, tài liệu. Đặc điểm đặc thù của ngành thể thao coi trọng thực hành, luyện tập. Chương trình học chưa yêu cầu tự học nhiều. Lịch học kín, truyền thụ kiến thức ít mở rộng, đào sâu. Sự lấn chiếm của các loại

hình truyền bá thông tin, văn hóa khác như: máy tính, tivi, Internet. Sinh viên chưa được trải nghiệm và rút ra thực tế là Thư viện là nơi giải quyết tốt nhất góp phần chấn hưng giáo dục, giải trí lành mạnh, tiếp thu văn minh, văn hóa nhân loại. Thư viện chưa có chiến lược đồng bộ lôi kéo, cuốn hút giảng viên, sinh viên. Còn hạn chế trong việc tiếp cận nguồn thông tin thư viện.

3. Phân tích SWOT để tìm ra giải pháp phát triển

3.1. Điểm mạnh và cơ hội

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các mặt của Thư viện nhà trường, thông qua phân tích ma trận SWOT, chúng tôi đã xác định 16 giải pháp

nâng cao hiệu quả thông tin thư viện tại trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng.

Sự kết hợp giữa điểm mạnh và cơ hội (SO), là sử dụng điểm mạnh của Thư viện để khai thác có hiệu quả nhất cơ hội hiện có, phát huy sức mạnh tổng lực bên trong, bên ngoài. Sự kết hợp này mang lại 05 giải pháp SO sau đây:

Giải pháp 1: S1O1O2O4O5 Phát triển thư viện số, thư viện hiện đại tiên tiến trên nền tảng các điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, cơ sở vật chất, con người.

Giải pháp 2: S2O3O4O5 Nâng cao chất lượng tài nguyên thông tin truyền thống dựa trên ưu thế đặc thù chuyên ngành năng khiếu.

Giải pháp 3: S3O1O2O3O4O5 Tăng cường hiện đại hóa thông tin trên nền tảng yếu tố thuận lợi cho việc cập nhật thông tin, vi tính hóa.

Giải pháp 4: S4O5 Phát triển nâng cao trình độ tạo tính giao thoa giữa nhân viên thông tin và thư viện đáp ứng nhu cầu phục vụ thông tin chất lượng cao.

Giải pháp 5: S5O5 Phát triển đa dạng, sâu rộng các loại hình tài liệu phục vụ cho các chuyên ngành hẹp để tăng tính tương thích.

Sử dụng điểm mạnh của mình để khắc phục hoặc hạn chế tồn thất do thách thức bên ngoài đưa ra trên cơ sở kết hợp chiến lược điểm mạnh và thách thức (ST). Sự kết hợp này mang lại 05 giải pháp ST.

Giải pháp 6: S1T2T5T8T9 Phát huy tối đa nguồn lực cơ sở vật chất để tạo ra các loại hình thông tin chất lượng cao, dễ tiếp cận trên nhiều phương tiện.

Giải pháp 7: S2T1T2T3T4 Kết hợp chặt chẽ với giảng viên, nhà xuất bản, nhà sách để nâng cao ý thức, hiệu quả bổ sung sách theo nhu cầu.

Giải pháp 8: S3S4T1T2T8T9 Sử dụng kênh thông tin, nguồn lực trong tìm kiếm, mua sắm tiếp nhận thông tin chất lượng cao.

Giải pháp 9: S5T1T2T3T4T5T6T7T8T9 Xây dựng chiến lược phát triển thư viện theo hướng bám sát chương trình học, môn học, định

hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của nhà trường.

Sự kết hợp giữa điểm yếu và cơ hội (WO), nhằm tận dụng cơ hội để khắc phục điểm yếu. Sự kết hợp này cho chúng ta 04 giải pháp WO.

Giải pháp 10: W1W2O1O2O3O4O5 Kế hoạch dài hạn cho công tác hiện đại hóa thư viện để thư viện luôn bắt kịp yêu cầu biến đổi của xã hội, nhà trường.

Giải pháp 11: W3O1O2O3O5 Phát triển hạ tầng phục vụ thông tin đúng định hướng, phát huy tối đa hạ tầng công nghệ.

Giải pháp 12: W4W5W6O1O3O4 Ưu tiên phát triển loại hình tài liệu mới, đa dạng hóa nguồn tài liệu theo nguyên tắc kế thừa và phát huy tài liệu truyền thống.

Giải pháp 13: W7O1O4O5 Có chiến lược dài hạn và ổn định trong công tác thu hút giảng viên, cán bộ khoa học và sinh viên đến thư viện.

Kết hợp (WT), kết hợp giữa điểm yếu và thách thức, đây là sự cố gắng lớn của Thư viện nhằm nâng cao sức mạnh hiện có và cố gắng khắc phục, hạn chế tồn thất do thách thức bên ngoài có thể gây ra. Sự kết hợp này cho chúng ta 03 giải pháp WT.

Giải pháp 14: W1W2W3W5T1T2T3T4T5T6T7T8T9 Gắn chặt các nội dung phát triển thư viện với nhu cầu bạn đọc, xu hướng phát triển chung của xã hội.

Giải pháp 15: W4W6T1T2T3T8 Tăng cường công tác biên soạn tài liệu nội bộ, giáo trình chuyên ngành, xây dựng kho tài liệu nội sinh tốt.

Giải pháp 16: W7T4T5T6T7T8T9 Có chiến lược quảng cáo, quảng bá, thực hiện dịch vụ chất lượng cao nhằm thu hút sinh viên.

4. Lựa chọn và ứng dụng giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thông tin thư viện

Để lựa chọn các giải pháp có hiệu quả cao nhất, có thể ứng dụng thuận lợi, phát huy được hiệu quả, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn.

Bảng 4. Kết quả lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả (n = 18)

Giải pháp	Điểm trung bình	Ưu tiên	Giải pháp	Điểm trung bình	Ưu tiên
1	6,5	9	9	7,3	5
2	7,3	7	10	5,8	10
3	5,3	11	11	7,4	4
4	4,7		12	8,2	1
5	8,1	2	13	6,9	8
6	5,0	13	14	5,2	12
7	7,5	3	15	7,3	6
8	4,6		16	4,8	

Chúng tôi đã lựa chọn các giải pháp có điểm trung bình chung từ 5,0 trở lên và tổ chức vào 03 nhóm giải pháp chính: Nâng cao ý thức xây dựng, cung cấp và sử dụng thông tin thư viện; Nâng cao chất lượng mọi mặt thư viện truyền thống; Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin thư viện theo hướng đáp ứng cao nhu cầu thông tin chuyên biệt.

4.1. Nâng cao ý thức xây dựng, cung cấp và sử dụng thông tin thư viện

Thư viện phải cụ thể hóa sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường thành các chủ trương chính sách giúp thư viện phát triển vững mạnh.

Thuyết phục bằng hiệu quả phục vụ người đọc, phục vụ xã hội của thư viện.

Thuyết phục các cấp quản lý, khoa, phòng, bộ môn trong hợp tác nâng cao chất lượng thư viện.

4.2. Nâng cao chất lượng mọi mặt thư viện truyền thống

Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động của mình.

Nghiên cứu nhu cầu người sử dụng và tìm ra phương thức phục vụ phù hợp, đáp ứng cao.

Phân hóa đối tượng dùng tin: ngành, chương trình học, trình độ chuyên môn.

Xây dựng chính sách bổ sung theo hướng bám sát chương trình học mà cụ thể là các đề cương môn học theo tín chỉ.

Thiết lập mối quan hệ tốt với giảng viên để bổ sung những tài liệu ít công bố trên thị trường xuất bản.

Các hình thức sản phẩm và dịch vụ thông tin cần phải được đa dạng hóa. Sản phẩm và dịch vụ thông tin có giá trị gia tăng cao cần phải được ưu tiên.

Giới thiệu sách mới, bên cạnh cung cấp các yếu tố thư mục: Tác giả, tên sách, nơi xuất bản, năm xuất bản, nhà xuất bản, ký hiệu xếp giá..., có thêm phần giới thiệu tóm tắt nội dung chính của cuốn sách và các chú giải cần thiết.

Dịch vụ thông tin thư viện là phương thức phục vụ nâng cao, ra đời trước yêu cầu không giới hạn của đối tượng dùng tin.

4.3. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin thư viện

Dịch vụ thông tin trọn gói là một loại hình rất được ưa chuộng theo dõi bao quát, tập hợp, cập nhật, cung cấp và đáp ứng thông tin theo yêu cầu. Dịch vụ này là công cụ đặc lực giúp tìm kiếm thông tin; hoàn thành tốt các đề tài nghiên cứu, bài báo cáo, luận văn tốt nghiệp, niên luận, bài tập, chuyên đề... tránh trùng lặp khi thực hiện nghiên cứu khoa học.

Bảng 5. Một số dịch vụ đề xuất tại thư viện trường ĐH TDTT Đà Nẵng

TÊN DỊCH VỤ
Photo/ In ấn/ Scan/ Đóng luận văn/ Ghi đĩa
Tạo mail, chuyển mail, dịch vụ internet/ Chuyển tin
Gỡ máy tính/ Chuyển font, mã, dò lỗi
Tim kiếm thông tin tài liệu giấy/ file, tài liệu điện tử/ ảnh/ phim
Thiết kế slide/ trình chiếu/ Phim /tờ rơi, quảng cáo, bìa tài liệu
Dịch Việt - Anh - Việt, Xử lý số liệu khoa học
Tư vấn tài liệu học tập, nghiên cứu/ NCKH + làm luận văn
Hướng dẫn soạn giáo án truyền thống/ giáo án điện tử

4.4. Kết quả ứng dụng các giải pháp

Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động thư viện trong những tháng đầu năm học 2014 - 2015 so với cùng kì năm học trước cho thấy sự biến đổi của lượng bạn đọc theo hướng tích

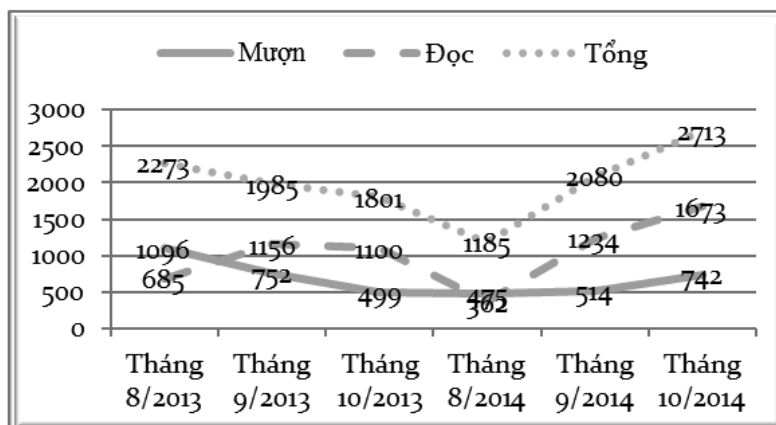
cực. Lượng bạn đọc ổn định và có phần tăng nhẹ, đặc biệt độc giả từ loại hình mượn về nhà tham khảo hoặc theo yêu cầu của giảng viên đã bắt đầu có ý thức lên thư viện đọc hoặc tham khảo theo nhu cầu.

Bảng 6. Số liệu thống kê tình hình phục vụ Thư viện

	Tháng 8/2013	Tháng 9/2013	Tháng 10/2013	Tháng 8/2014	Tháng 9/2014	Tháng 10/2014
Mượn	1096	752	499	475	514	742
Đọc	685	1156	1100	362	1234	1673
Tổng	2273	1985	1801	1185	2080	2713

Số lượng sinh viên mượn sách trong tháng 8 năm học 2014 - 2015 là 475 có sự giảm nhiều hơn so với năm học trước 1.096. Tính chung trong 3 tháng đầu năm học tổng số sinh viên mượn sách năm nay là 1.731 giảm so với năm

trước 2.347 tương đương 35%. Tuy nhiên số lượng bạn đọc trực tiếp tại thư viện có sự tăng đều và vượt hơn số lượng cùng kì năm học trước.

**Biểu đồ 1. Chi tiết lượng sinh viên mượn sách, bạn đọc thư viện**

Với một số biện pháp trên chúng tôi bước đầu đã thu hút được khá nhiều sinh viên đến thư viện. Có thể thấy lượng bạn đọc tăng mang tính chất thuyết phục, lượt đọc tăng từ 20% đến 40%. Việc sử dụng tài nguyên thư viện do thực tế nhu cầu học tập của chính sinh viên nên có thể nói chất lượng quản lý và phục vụ của thư viện thực sự tốt hơn.

Thư viện cũng đã tạo ra và cung ứng cho người dùng những sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng đối tượng bạn đọc. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào công tác và tìm ra những phương thức, sản phẩm, dịch vụ mới trong nghiệp vụ, các thư viện đã đáp ứng tốt hơn, nhanh hơn, có chất lượng hơn nhu cầu đọc và thông tin. Đổi mới thư viện cũng đã nâng cao ý thức của phần lớn sinh viên trong sử dụng tài liệu làm phương tiện học tập, nghiên cứu, tự chiếm lĩnh tri thức và học tập suốt đời.

KẾT LUẬN

Công tác thông tin thư viện tại trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng bên cạnh những mặt mạnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thể

hiện trên 5 điểm mạnh, 5 yếu tố cơ hội, 7 điểm yếu và 9 thách thức.

Qua nghiên cứu, chúng tôi đã xác định và đề xuất 16 giải pháp, lựa chọn 13 giải pháp nâng cao hiệu quả và được tổ chức vào 3 nhóm: Nâng cao ý thức xây dựng, cung cấp và sử dụng thông tin thư viện; Nâng cao chất lượng mọi mặt thư viện truyền thống; Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin thư viện theo hướng đáp ứng cao nhu cầu thông tin chuyên biệt.

Các giải pháp được thực hiện và từng bước kiểm nghiệm so sánh thông qua tiêu chí bạn đọc từ tháng 8 đến hết tháng 10 năm 2014 so với ba tháng cùng kì năm 2013. Kết quả thử nghiệm đã minh chứng hiệu quả của các giải pháp về công tác đổi mới thông tin thư viện tại trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng. Ngoài ra, việc ứng dụng còn mang lại hiệu quả tăng cường nhận thức, thay đổi thái độ của giảng viên, sinh viên trong việc sử dụng nguồn lực thông tin thư viện trong giảng dạy và học tập, nâng cao văn hóa đọc ở đa số sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. *Nghị định 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Pháp lệnh thư viện.*
3. *Pháp lệnh thư viện* (2001), Nxb Chính trị Quốc gia.
4. *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch Phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến 2010 và định hướng đến năm 2020*, Bộ Văn hóa - Thông tin.
5. *Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường đại học.*
6. Reitz, Joan M (2005). *Dictionary for Library and Information Science*. Westport, Connecticut: Libraries Unlimited.